

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST

Ngày 12-6-2025

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Nhật Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Bích Ngọc**

2. Ông **Đinh Đức Tư**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Bích Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Tấn Lợi** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2025/QĐST ngày 05 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị H**, sinh năm: 1991. (*xin vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, Thành phố Cần Thơ

Nơi ở hiện tại: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông **Trần Tuấn A**, sinh năm: 1989. (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau: Bà và ông Trần Tuấn A đến với nhau có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn số 22 ngày 06/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Sau khi cưới vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bà và ông Tuấn A bất đồng quan điểm sống, ông Tuấn A không chịu lao động chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung nên hôn nhân không hạnh phúc. Bà và ông Tuấn A sống ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai chủ động hàn gắn tình cảm. Nay bà không còn tình cảm với ông Tuấn A nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Tuấn A có 03 con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày 04/5/2012; cháu Trần Nhã U, sinh ngày 13/11/2018 và cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 10/12/2016; từ khi ly thân đến nay các cháu sống với bà và bà trực tiếp chăm sóc các cháu. Khi ly hôn, bà xin tiếp tục nuôi cháu T, cháu U và cháu P, bà không yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Tuấn A mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; đồng thời vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn với ông Tuấn A. Về con chung, giao cháu Trần Thanh T, sinh ngày 04/5/2012; cháu Trần Nhã U, sinh ngày 13/11/2018 và cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 10/12/2016 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Trần Tuấn A có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện V, Thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân của bà H và ông Tuấn A là hoàn toàn tự nguyện, tuy có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của ông, bà chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên hôn nhân không hạnh phúc và sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Mặc khác tại biên bản xác minh ngày 21/5/2025 tại Ủy ban nhân dân xã V cung cấp vợ chồng bà H và ông Tuấn A cũng đang mâu thuẫn. Thấy rằng mâu thuẫn giữa nguyên, bị đơn rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được là phù hợp với lời trình bày của bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông Tuấn A.

[3] Về con chung: Bà H và ông Tuấn A có 03 con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày 04/5/2012; cháu Trần Nhã U, sinh ngày 13/11/2018 và cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 10/12/2016. Từ khi ly thân đến nay do bà H trực tiếp chăm sóc và các con chung có nguyện vọng ở với mẹ. Khi ly hôn nguyên đơn xin tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39; điều 227; điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Dương Thị H được ly hôn với ông Trần Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thanh T, sinh ngày 04/5/2012; cháu Trần Nhã U, sinh ngày 13/11/2018 và cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 10/12/2016 cho bà Dương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở ông Trần Tuấn A thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0003948 ngày 21/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nên nguyên đơn không phải nộp thêm án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nhật Trường